

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI**

Số: 30 /2007/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Lào Cai, ngày 05 tháng 7 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH

**Về chính sách ưu đãi đầu tư vào các khu kinh tế trọng điểm
thuộc khu Kinh tế cửa khẩu Lào Cai**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 29/11/2005;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16/12/2002;

Căn cứ Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu ngày 14/6/2005;

Căn cứ Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14/11/2005 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 24/2007/NĐ-CP ngày 14/2/2007 Quy định chi tiết thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 53/2001/QĐ-TTg ngày 19/4/2001 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách đối với khu cửa khẩu biên giới;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính, tại Tờ trình số 41/TTr-STC ngày 13/4/2007 về việc sửa đổi chính sách ưu đãi đầu tư và thu tiền thuê đất, tiền san tạo mặt bằng tại các khu kinh tế trọng điểm thuộc Khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định về một số chính sách ưu đãi cho hoạt động đầu tư sản xuất, kinh doanh tại các khu kinh tế trọng điểm thuộc khu Kinh tế cửa khẩu Lào Cai.

Điều 2. Các khu kinh tế trọng điểm thuộc khu Kinh tế cửa khẩu Lào Cai được hưởng chính sách ưu đãi tại Quyết định này gồm:

1. Khu thương mại Kim Thành với tổng diện tích là: 152 ha
2. Khu công nghiệp Bắc Duyên Hải với tổng diện tích là: 80 ha
3. Khu công nghiệp Đông Phố Mới với tổng diện tích là: 80 ha

Điều 3. Nhà đầu tư trong nước và nước ngoài có dự án đầu tư sản xuất kinh doanh tại các khu kinh tế trọng điểm nêu trên được hưởng các chính sách ưu đãi dưới đây:

1. Hỗ trợ kinh phí giải phóng mặt bằng, san tạo mặt bằng và đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng:

- Nhà đầu tư thuê đất tại các khu kinh tế trọng điểm, không phải trả tiền đền bù giải phóng mặt bằng.

- Tỉnh Lào Cai hỗ trợ một phần kinh phí san tạo mặt bằng. (Mức hỗ trợ cụ thể tại Phụ lục I kèm theo Quyết định này).

Nhà đầu tư thuê đất thuộc diện tích là đất đồi núi, chưa san gạt để kinh doanh dịch vụ thì không phải nộp tiền san tạo mặt bằng nói trên. Nhà đầu tư tự tổ chức san tạo mặt bằng theo dự án đã được phê duyệt.

- Tỉnh Lào Cai đầu tư xây dựng đường giao thông, điện chiếu sáng, cây xanh trong các khu kinh tế trọng điểm. Nhà đầu tư không phải trả tiền đầu tư ban đầu các hạng mục trên.

2. Về tiền thuê đất:

Tỉnh Lào Cai quy định đơn giá thuê đất tại các khu kinh tế trọng điểm thuộc khu Kinh tế cửa khẩu Lào Cai ở mức thấp nhất theo quy định của Chính phủ (0,25% giá đất).

Chính sách ưu đãi về thu tiền thuê đất được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14/11/2005 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước, cụ thể như sau:

- Miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng, theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

→ Miễn tiền thuê đất 07 (bảy) năm kể từ ngày xây dựng hoàn thành đưa dự án vào hoạt động, đối với tất cả các dự án đầu tư tại các khu vực trên.

- Miễn tiền thuê đất 11 (mười một) năm kể từ ngày xây dựng hoàn thành và đưa dự án vào hoạt động đối với dự án thuộc Danh mục lĩnh vực khuyến khích đầu tư (Phụ lục II kèm theo Quyết định này).

3. Về chính sách thuế:

Nhà đầu tư trong nước và nước ngoài có dự án đầu tư sản xuất kinh doanh tại các khu kinh tế trọng điểm thuộc khu Kinh tế cửa khẩu Lào Cai được hưởng các chính sách ưu đãi về thuế Thu nhập doanh nghiệp, thuế Nhập khẩu áp dụng đối với địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn theo quy định của pháp luật về thuế Thu nhập doanh nghiệp, thuế Nhập khẩu (Phụ lục III kèm theo Quyết định này).

Thủ tục thực hiện ưu đãi đầu tư, điều chỉnh, bổ sung và áp dụng các điều kiện ưu đãi đầu tư được thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư, quy định của pháp luật về thuế Thu nhập doanh nghiệp, thuế Xuất khẩu, thuế Nhập khẩu hiện hành. Trường hợp nhà đầu tư thực hiện các hoạt động kinh doanh tại các Khu kinh tế trọng điểm trên nhưng không thành lập pháp nhân kinh tế tại Khu kinh tế trọng điểm trên, thì phải hạch toán riêng phần kinh doanh tại Khu kinh tế trọng điểm để có căn cứ xác định chế độ ưu đãi.

4. Hỗ trợ đào tạo lao động:

Các dự án sử dụng ổn định 20 lao động bình quân trong năm trở lên, có cù lao động đi đào tạo nghề tương đương bậc 3 trở lên tại các cơ sở đào tạo (có chứng chỉ đào tạo do các cơ sở đào tạo cấp) được tính hỗ trợ kinh phí đào tạo 02 triệu đồng/lao động đã đào tạo, trong 5 năm đầu kể từ khi dự án đi vào sản xuất kinh doanh.

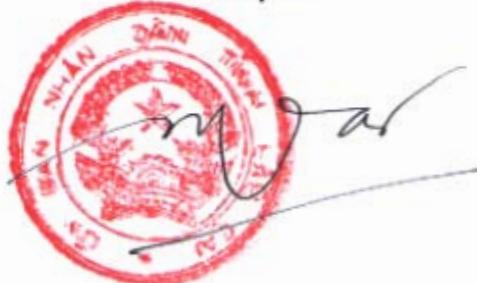
Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 496/QĐ-UB ngày 25/10/2002 về việc ban hành chính sách ưu đãi đầu tư vào 4 khu kinh tế trọng điểm thuộc khu Kinh tế cửa khẩu Lào Cai; Quyết định số 379/2005/QĐ-UBND ngày 22/7/2005 của UBND tỉnh Lào Cai về việc bãi bỏ và thay thế một số nội dung của Điều 2 - Quyết định số 496/QĐ-UB ngày 25/10/2002 của UBND tỉnh Lào Cai; bãi bỏ Khoản 1 Điều 2 Quyết định số 321/QĐ-UBND ngày 6/7/2005 của UBND tỉnh Lào Cai ban hành mức thu tiền đèn bù giải phóng mặt bằng, tiền thuê đất và tiền san tạo mặt bằng tại khu Thương mại Kim Thành và các khu công nghiệp Bắc Duyên Hải, Đông Phố Mới.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng; Cục Thuế; Trưởng Ban Quản lý khu Kinh tế cửa khẩu, Ban Quản lý các cụm công nghiệp; Thủ trưởng các ngành có liên quan; Chủ tịch UBND thành phố Lào Cai, huyện Bát Xát; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp
- TT TU, HĐND, UBND tỉnh;
- TT Đoàn Đại biểu Quốc hội;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Như Điều 5;
- Sở Tư Pháp;
- Báo Lào Cai;
- Trung tâm Xúc tiến đầu tư - TM và DL;
- Lưu VT, các chuyên viên.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hữu Vạn

Phụ lục I

MỨC HỖ TRỢ TIỀN SAN TẠO MẶT BẰNG

(Kèm theo Quyết định số 30/2007/QĐ-UBND ngày 05/7/2007
của UBND tỉnh Lào Cai)

Số TT	Địa điểm	Đơn giá san tạo mặt bằng (đồng/m ²)	
		Tổng số	Mức hỗ trợ
1	Khu Thương mại Kim Thành	143.779	43.779
2	Khu CN Bắc Duyên Hải	124.762	19.762
3	Khu CN Đông Phố Mới	140.251	16.251

B

DANH MỤC LĨNH VỰC ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ

(Kèm theo Quyết định số 30/2007/QĐ-UBND ngày 15/7/2007
của UBND tỉnh Lào Cai)

A. DANH MỤC LĨNH VỰC ĐẶC BIỆT ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ:

I. Sản xuất vật liệu mới, năng lượng mới; sản xuất sản phẩm công nghệ cao, công nghệ sinh học, công nghệ thông tin; cơ khí chế tạo:

1. Sản xuất vật liệu composite, các loại vật liệu xây dựng nhẹ, vật liệu quý hiếm.
2. Sản xuất thép cao cấp, hợp kim, kim loại đặc biệt, sắt xốp, phôi thép.
3. Đầu tư xây dựng cơ sở sử dụng năng lượng mặt trời, năng lượng gió, khí sinh vật, địa nhiệt, thủy triều.
4. Sản xuất thiết bị y tế trong công nghệ phân tích và công nghệ chiết xuất trong y học; dụng cụ chính hình, xe, dụng cụ chuyên dùng cho người tàn tật.
5. Ứng dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ sinh học để sản xuất thuốc chữa bệnh cho người đạt tiêu chuẩn GMP quốc tế; sản xuất nguyên liệu thuốc kháng sinh.
6. Sản xuất máy tính, thiết bị thông tin, viễn thông, internet và sản phẩm công nghệ thông tin trọng điểm.
7. Sản xuất chất bán dẫn và các linh kiện điện tử kỹ thuật cao; sản xuất sản phẩm phần mềm, nội dung thông tin số; cung cấp các dịch vụ phần mềm, nghiên cứu công nghệ thông tin, đào tạo nguồn nhân lực công nghệ thông tin.
8. Đầu tư sản xuất, chế tạo thiết bị cơ khí chính xác; thiết bị, máy móc kiểm tra, kiểm soát an toàn quá trình sản xuất công nghiệp; rô bốt công nghiệp.

II. Nuôi trồng, chế biến nông, lâm, thủy sản; làm muối; sản xuất giống nhân tạo, giống cây trồng và giống vật nuôi mới

9. Trồng, chăm sóc rừng.
10. Nuôi trồng nông, lâm, thủy sản trên đất hoang hoá, vùng nước chưa được khai thác.
11. Đánh bắt hải sản ở vùng biển xa bờ.
12. Sản xuất giống nhân tạo, giống cây trồng, vật nuôi mới và có hiệu quả kinh tế cao.
13. Sản xuất, khai thác và tinh chế muối.

III. Sử dụng công nghệ cao, kỹ thuật hiện đại; bảo vệ môi trường sinh thái; nghiên cứu, phát triển và ươm tạo công nghệ cao:

14. Ứng dụng công nghệ cao, công nghệ mới chưa được sử dụng tại Việt Nam; ứng dụng công nghệ sinh học.
15. Xử lý ô nhiễm và bảo vệ môi trường; sản xuất thiết bị xử lý ô nhiễm môi trường, thiết bị quan trắc và phân tích môi trường.
16. Thu gom, xử lý nước thải, khí thải, chất thải rắn; tái chế, tái sử dụng chất thải.
17. Nghiên cứu, phát triển và ươm tạo công nghệ cao.

IV. Sử dụng nhiều lao động

18. Dự án sử dụng thường xuyên từ 5.000 lao động trở lên.

V. Xây dựng và phát triển kết cấu hạ tầng và các dự án quan trọng

19. Đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế và các dự án quan trọng do Thủ tướng Chính phủ quyết định.

VI. Phát triển sự nghiệp giáo dục, đào tạo, y tế, thể dục và thể thao

20. Đầu tư xây dựng cơ sở cai nghiện ma túy, cai nghiện thuốc lá.

21. Đầu tư thành lập cơ sở thực hiện vệ sinh phòng chống dịch bệnh.

22. Đầu tư thành lập trung tâm lão khoa, hoạt động cứu trợ tập trung, chăm sóc người tàn tật, trẻ mồ côi.

23. Đầu tư xây dựng: trung tâm đào tạo, huấn luyện thể thao thành tích cao và đào tạo, huấn luyện thể thao cho người tàn tật; xây dựng cơ sở thể thao có thiết bị, phương tiện luyện tập và thi đấu đáp ứng yêu cầu tổ chức các giải đấu quốc tế.

VII. Những lĩnh vực sản xuất và dịch vụ khác

24. Đầu tư vào nghiên cứu và phát triển (R&D) chiếm 25% doanh thu trở lên.

25. Dịch vụ cứu hộ trên biển.

26. Đầu tư xây dựng chung cư cho công nhân làm việc tại các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế; đầu tư xây dựng ký túc xá sinh viên và xây dựng nhà ở cho các đối tượng chính sách xã hội.

B. DANH MỤC LĨNH VỰC ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ:

I. Sản xuất vật liệu mới, năng lượng mới; sản xuất sản phẩm công nghệ cao, công nghệ sinh học, công nghệ thông tin; cơ khí chế tạo

1. Sản xuất: vật liệu cách âm, cách điện, cách nhiệt cao; vật liệu tổng hợp thay thế gỗ; vật liệu chịu lửa; chất dẻo xây dựng; sợi thuỷ tinh; xi măng đặc chủng.

2. Sản xuất kim loại màu, luyện gang.

3. Sản xuất khuôn mẫu cho các sản phẩm kim loại và phi kim loại.

4. Đầu tư xây dựng mới nhà máy điện, phân phối điện, truyền tải điện.

5. Sản xuất trang thiết bị y tế, xây dựng kho bảo quản dược phẩm, dự trữ thuốc chữa bệnh cho người đẻ phòng thiên tai, thảm họa, dịch bệnh nguy hiểm.

6. Sản xuất thiết bị kiểm nghiệm độc chất trong thực phẩm.

7. Phát triển công nghiệp hoá dầu.

8. Sản xuất than cốc, than hoạt tính.

9. Sản xuất: thuốc bảo vệ thực vật, thuốc trừ sâu bệnh; thuốc phòng, chữa bệnh cho động vật, thủy sản; thuốc thú y.

10. Nguyên liệu thuốc và thuốc phòng chống các bệnh xã hội; vắc xin; sinh phẩm y tế; thuốc từ dược liệu; thuốc đông y.

11. Đầu tư xây dựng cơ sở thử nghiệm sinh học, đánh giá tính khả dụng của thuốc; cơ sở dược đạt tiêu chuẩn thực hành tốt trong sản xuất, bảo quản, kiểm nghiệm, thử nghiệm lâm sàng thuốc, nuôi trồng, thu hoạch và chế biến dược liệu.

12. Phát triển nguồn dược liệu và sản xuất thuốc từ dược liệu; dự án nghiên cứu, chứng minh cơ sở khoa học của bài thuốc đông y và xây dựng tiêu chuẩn kiểm nghiệm

bài thuốc đông y; khảo sát, thống kê các loại dược liệu làm thuốc; sưu tầm, kế thừa và ứng dụng các bài thuốc đông y, tìm kiếm, khai thác sử dụng dược liệu mới.

13. Sản xuất sản phẩm điện tử.

14. Sản xuất máy móc, thiết bị, cụm chi tiết trong các lĩnh vực: khai thác dầu khí, mỏ, năng lượng, xi măng; sản xuất thiết bị nâng hạ cỡ lớn; sản xuất máy công cụ gia công kim loại, thiết bị luyện kim.

15. Đầu tư sản xuất khí cụ điện trung, cao thế, máy phát điện cỡ lớn.

16. Đầu tư sản xuất động cơ diezen; đầu tư sản xuất và sửa chữa, đóng tàu thủy; thiết bị phụ tùng cho các tàu vận tải, tàu đánh cá; sản xuất máy, phụ tùng ngành động lực, thủy lực, máy áp lực.

17. Sản xuất: thiết bị, xe, máy xây dựng; thiết bị kỹ thuật cho ngành vận tải; đầu máy xe lửa, toa xe.

18. Đầu tư sản xuất máy công cụ, máy móc, thiết bị, phụ tùng, máy phục vụ cho sản xuất nông, lâm nghiệp, máy chế biến thực phẩm, thiết bị tưới tiêu.

19. Đầu tư sản xuất thiết bị, máy cho ngành dệt, ngành may, ngành da.

II. Nuôi trồng, chế biến nông, lâm, thủy sản; làm muối; sản xuất giống nhân tạo, giống cây trồng và giống vật nuôi mới

20. Trồng cây dược liệu.

21. Đầu tư bảo quản nông sản sau thu hoạch, bảo quản nông, thủy sản và thực phẩm.

22. Sản xuất nước hoa quả đóng chai, đóng hộp.

23. Sản xuất, tinh chế thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản.

24. Dịch vụ kỹ thuật trồng cây công nghiệp và cây lâm nghiệp, chăn nuôi, thủy sản, bảo vệ cây trồng, vật nuôi.

25. Sản xuất, nhân và lai tạo giống cây trồng và vật nuôi.

III. Sử dụng công nghệ cao, kỹ thuật hiện đại; bảo vệ môi trường sinh thái; nghiên cứu, phát triển và ươm tạo công nghệ cao

26. Sản xuất thiết bị ứng phó, xử lý tràn dầu.

27. Sản xuất thiết bị xử lý chất thải.

28. Đầu tư xây dựng cơ sở, công trình kỹ thuật: phòng thí nghiệm, trạm thí nghiệm nhằm ứng dụng công nghệ mới vào sản xuất; đầu tư thành lập viện nghiên cứu.

IV. Sử dụng nhiều lao động

29. Dự án sử dụng thường xuyên từ 500 lao động đến 5.000 lao động.

V. Xây dựng và phát triển kết cấu hạ tầng

30. Xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất, kinh doanh của hợp tác xã và phục vụ đời sống cộng đồng nông thôn.

31. Đầu tư kinh doanh hạ tầng và đầu tư sản xuất trong cụm công nghiệp, điểm công nghiệp, cụm làng nghề nông thôn.

32. Xây dựng nhà máy nước, hệ thống cấp nước phục vụ sinh hoạt, phục vụ công nghiệp, đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước.

33. Xây dựng, cải tạo cầu, đường bộ, cảng hàng không, sân bay, bến cảng, nhà ga, bến xe, nơi đỗ xe; mở thêm các tuyến đường sắt.

34. Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư tập trung ở địa bàn thuộc Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này.

VI. Phát triển sự nghiệp giáo dục, đào tạo, y tế, thể dục, thể thao và văn hóa dân tộc:

35. Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng của các cơ sở giáo dục, đào tạo; đầu tư xây dựng trường học, cơ sở giáo dục, đào tạo dân lập, tư thục ở các bậc học: giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, trung học chuyên nghiệp, dạy nghề, giáo dục đại học.

36. Thành lập bệnh viện dân lập, bệnh viện tư nhân.

37. Xây dựng: trung tâm thể dục, thể thao, nhà tập luyện, câu lạc bộ thể dục thể thao; cơ sở sản xuất, chế tạo, sửa chữa thiết bị, phương tiện tập luyện thể dục thể thao.

38. Thành lập: nhà văn hoá dân tộc; đoàn ca, múa, nhạc dân tộc; rạp hát, trường quay, cơ sở in tráng phim, rạp chiếu phim; sân xuất, chế tạo, sửa chữa nhạc cụ dân tộc; duy tu, bảo tồn bảo tàng, nhà văn hoá dân tộc và các trường văn hóa nghệ thuật.

39. Đầu tư xây dựng: khu du lịch quốc gia, khu du lịch sinh thái; khu công viên văn hóa có các hoạt động thể thao, vui chơi, giải trí.

VII. Phát triển ngành nghề truyền thống

40. Xây dựng và phát triển các ngành nghề truyền thống sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ, chế biến nông sản thực phẩm và các sản phẩm văn hóa.

VIII. Những lĩnh vực sản xuất và dịch vụ khác

41. Cung cấp dịch vụ kết nối, truy cập và ứng dụng internet, các điểm truy cập điện thoại công cộng.

42. Phát triển vận tải công cộng bao gồm: vận tải bằng phương tiện tàu biển, máy bay; vận tải bằng đường sắt; vận tải hành khách đường bộ bằng xe ô tô từ 24 chỗ ngồi trở lên; vận tải bằng phương tiện thủy nội địa chở khách hiện đại, tốc độ cao; vận tải bằng công-ten-nơ.

43. Đầu tư di chuyển cơ sở sản xuất ra khỏi nội thị.

44. Đầu tư xây dựng chợ loại I, khu triển lãm.

45. Sản xuất đồ chơi trẻ em.

46. Hoạt động huy động vốn, cho vay vốn của Quỹ tín dụng nhân dân.

47. Tư vấn pháp luật, dịch vụ tư vấn về sở hữu trí tuệ và chuyên giao công nghệ.

48. Sản xuất các loại nguyên liệu thuốc trừ sâu bệnh.

49. Sản xuất hóa chất cơ bản, hóa chất tinh khiết, hóa chất chuyên dùng, thuốc nhuộm.

50. Sản xuất nguyên liệu chất tẩy rửa, phụ gia cho ngành hóa chất.

51. Sản xuất giấy, bìa, ván nhân tạo trực tiếp từ nguồn nguyên liệu nông, lâm sản trong nước; sản xuất bột giấy.

52. Dệt vải, hoàn thiện các sản phẩm dệt; sản xuất tờ, sợi các loại; thuộc, sơ chế da.

53. Dự án đầu tư sản xuất trong các khu công nghiệp do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập ✓

Phụ lục III

**NHỮNG ƯU ĐÃI VỀ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP
VÀ THUẾ NHẬP KHẨU**

(Kèm theo Quyết định số 30/2007/QĐ-UBND ngày 05/7/2007
của UBND tỉnh Lào Cai)

A. ƯU ĐÃI VỀ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP:

1. Ưu đãi về thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp:

- Mức thuế suất 20% áp dụng trong thời gian 10 năm, kể từ khi bắt đầu đi vào hoạt động kinh doanh đối với tất cả các cơ sở kinh doanh mới thành lập từ dự án đầu tư tại các khu kinh tế trọng điểm.

- Mức thuế suất 15% áp dụng trong thời gian 12 năm, kể từ khi bắt đầu đi vào hoạt động kinh doanh đối với:

+ Hợp tác xã được thành lập tại địa bàn.

+ Cơ sở kinh doanh mới thành lập từ dự án đầu tư vào ngành nghề, lĩnh vực thuộc Danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư (theo Phụ lục II).

- Mức thuế suất 10% áp dụng trong thời gian 15 năm, kể từ khi bắt đầu đi vào hoạt động kinh doanh đối với cơ sở kinh doanh mới thành lập từ dự án đầu tư vào ngành nghề, lĩnh vực thuộc Danh mục lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư (theo Phụ lục II).

Hết thời gian được áp dụng mức thuế suất ưu đãi quy định như trên cơ sở kinh doanh mới thành lập từ dự án đầu tư phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất là 28%.

2. Ưu đãi về miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp:

a/ Cơ sở kinh doanh mới thành lập từ dự án đầu tư được miễn thuế, giảm thuế như sau:

- Được miễn thuế 02 năm, kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 06 năm tiếp theo đối với tất cả các cơ sở kinh doanh mới thành lập từ dự án đầu tư tại các khu kinh tế trọng điểm.

- Được miễn thuế 03 năm, kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 07 năm tiếp theo đối với cơ sở kinh doanh mới thành lập từ dự án đầu tư vào ngành nghề, lĩnh vực thuộc Danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư (theo Phụ lục II).

- Được miễn thuế 04 năm, kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 09 năm tiếp theo đối với cơ sở kinh doanh mới thành lập từ dự án đầu tư vào ngành nghề, lĩnh vực thuộc Danh mục ngành nghề, lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư (theo Phụ lục II).

b/ Cơ sở kinh doanh đang hoạt động có đầu tư xây dựng dây chuyền sản xuất mới, mở rộng quy mô, đổi mới công nghệ, cải thiện môi trường sinh thái, nâng cao năng lực sản xuất thì được miễn, giảm thuế cho phần thu nhập tăng thêm do đầu tư này mang lại như sau:

- Được miễn 01 năm và giảm 50% số thuế phải nộp cho 04 năm tiếp theo.

- Được miễn 03 năm và giảm 50% số thuế phải nộp cho 05 năm tiếp theo đối với dự án đầu tư vào lĩnh vực thuộc Danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư (theo Phụ lục II).

- Được miễn 03 năm và giảm 50% số thuế phải nộp cho 07 năm tiếp theo đối với dự án đầu tư vào ngành nghề, lĩnh vực thuộc Danh mục lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư (theo Phụ lục II).

Ngoài các ưu đãi trên Nhà đầu tư tại các Khu Kinh tế trên còn được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp khi góp vốn dưới các hình thức: Bằng sáng chế, bí quyết kỹ thuật, quy trình công nghệ, dịch vụ kỹ thuật, cơ sở kinh doanh hoạt động sản xuất, xây dựng, vận tải sử dụng nhiều lao động nữ, ... theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.

Thuế suất ưu đãi, miễn thuế, giảm thuế theo quy định trên chỉ áp dụng đối với cơ sở kinh doanh đã thực hiện đúng chế độ kế toán hóa đơn, chứng từ và đã đăng ký thuế nộp thuế theo kê khai. Cơ sở kinh doanh tự xác định các điều kiện được hưởng ưu đãi thuế, mức miễn thuế, giảm thuế và có văn bản thông báo cho cơ quan thuế biết cùng với thời gian nộp tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm.

B. ƯU ĐÃI VỀ THUẾ NHẬP KHẨU:

1. Hàng hóa nhập khẩu để tạo tài sản cố định của dự án, được miễn thuế Nhập khẩu, bao gồm:

a) Thiết bị, máy móc;

b) Phương tiện vận tải chuyên dùng trong dây chuyền công nghệ được Bộ Khoa học và Công nghệ xác nhận; phương tiện vận chuyển đưa đón công nhân gồm xe ôtô từ 24 chỗ ngồi trở lên và phương tiện thủy;

c) Linh kiện, chi tiết, bộ phận rời, phụ tùng, gá lắp, khuôn mẫu, phụ kiện đi kèm để lắp ráp đồng bộ hoặc sử dụng đồng bộ với thiết bị, máy móc, phương tiện vận tải chuyên dùng quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản này;

d) Nguyên liệu, vật tư dùng để chế tạo thiết bị, máy móc nằm trong dây chuyền công nghệ hoặc để chế tạo linh kiện, chi tiết, bộ phận rời, phụ tùng, gá lắp, khuôn mẫu, phụ kiện đi kèm để lắp ráp đồng bộ hoặc sử dụng đồng bộ với thiết bị, máy móc quy định tại Điểm a Khoản này;

đ) Vật tư xây dựng trong nước chưa sản xuất được.

2. Hàng hóa nhập khẩu để sử dụng trực tiếp vào hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, bao gồm máy móc, thiết bị, phụ tùng, vật tư, phương tiện vận tải trong nước chưa sản xuất được, công nghệ trong nước chưa tạo ra được; tài liệu, sách báo khoa học được miễn thuế Nhập khẩu;

3. Nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để sản xuất của dự án thuộc Danh mục lĩnh vực đặc biệt khuyến khích đầu tư (theo Phụ lục II) được miễn thuế Nhập khẩu trong thời hạn năm năm, kể từ khi bắt đầu sản xuất.

Ngoài các ưu đãi trên, doanh nghiệp và các nhà đầu tư còn được hưởng ưu đãi khác về thuế Nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu theo quy định của pháp luật về thuế Nhập khẩu.